VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15/2019/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2019*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, bao gồm:

a) Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp;

b) Cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể, đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; cho phép thành lập, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Điều kiện, thẩm quyền, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài;

d) Điều kiện thành lập, chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam;

đ) Điều kiện, thẩm quyền, thủ tục thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận;

e) Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Đối với các hình thức hợp tác quốc tế khác quy định tại Điều 47 của Luật giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài hoặc thỏa thuận, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và văn bản sửa đổi có liên quan.

4. Nghị định này không áp dụng đối với:

a) Việc quản lý nhà nước đối với các trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm;

b) Việc cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể, đổi tên trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm có vốn đầu tư nước ngoài; cho phép thành lập, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng (sau đây gọi là cơ sở giáo dục nghề nghiệp).

2. Cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp (sau đây gọi là cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp).

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Nghị định này.

Chương II
THẨM QUYỀN VÀ NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

2. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

Điều 4. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp, Nghị định này, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và thực hiện nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng và ban hành danh mục các ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; danh mục ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp cho từng ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng đối với các ngành, nghề trọng điểm quốc gia; ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu; ngành, nghề do cơ quan quản lý nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo và ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Quản lý Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ thuộc giáo dục nghề nghiệp. Chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện tham chiếu các trình độ thuộc giáo dục nghề nghiệp Khung trình độ quốc gia Việt Nam với Khung tham chiếu trình độ ASEAN và trình độ giáo dục nghề nghiệp của các khung trình độ quốc gia khác.

3. Quy định hệ thống biểu mẫu tối thiểu trong đào tạo; mẫu bằng tốt nghiệp, chứng chỉ và quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ đào tạo nghề nghiệp ở các cấp trình độ; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến về cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp.

4. Quy định về đào tạo thường xuyên; học nghề, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề; đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động, đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định việc đưa học sinh, sinh viên

Việt Nam đi đào tạo nghề nghiệp ở nước ngoài và tiếp nhận người nước ngoài vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

5. Quy định chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; mẫu và quy chế quản lý, cấp chứng chỉ, chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Hướng dẫn kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giáo dục nghề nghiệp và tặng thưởng các danh hiệu vinh dự cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy định về tổ chức hoạt động thể dục, thể thao, giáo dục thể chất, y tế học đường, hoạt động văn hóa, văn nghệ, bảo vệ môi trường và công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hướng dẫn về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; ban hành quy chế quản lý, cấp phát chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hướng dẫn về chính sách học bổng, tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm và hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp.

7. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về điều kiện, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; đình chỉ hoạt động kiểm định; trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức kiểm định; tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình, chu kỳ kiểm định; cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm định viên; đánh giá cấp thẻ, quản lý và cấp, thu hồi thẻ kiểm định viên, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên; quy định về xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thiết lập cơ chế bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp và xây dựng, vận hành khung bảo đảm chất lượng nghề nghiệp quốc gia. Xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia trực tuyến và đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

8. Phối hợp với bộ, ngành liên quan hướng dẫn việc tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ và công nhận tương đương chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

9. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện công tác thống kê, thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về giáo dục nghề nghiệp.

10. Hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của hội, hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

11. Quản lý, tổ chức công tác hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

12. Hướng dẫn việc tổ chức hội giảng, hội thi các cấp; tổ chức hội giảng, hội thi cấp quốc gia và tham gia hội thi tay nghề khu vực và thế giới.

13. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp, Nghị định này, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và thực hiện nhiệm vụ sau đây:

1. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác định danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của từng trình độ đào tạo đối với các ngành, nghề chuyên môn đặc thù.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nội dung chuyên môn, nghiệp vụ trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý đối với các ngành, nghề chuyên môn đặc thù thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, ngành theo quy định.

Điều 6. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ về phát triển giáo dục nghề nghiệp, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp, Nghị định này, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và thực hiện nhiệm sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp của địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; bảo đảm các điều kiện về ngân sách, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc.

2. Chỉ đạo tổ chức đào tạo các ngành, nghề chất lượng cao. Tổ chức xây dựng, phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật; định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với các ngành, nghề do địa phương đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo. Đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

3. Quản lý hoặc phân cấp quản lý trường cao đẳng, trường trung cấp trực thuộc và quản lý theo lãnh thổ đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn.

4. Quản lý, kiểm tra việc thực hiện chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo và chức danh lãnh đạo quản lý giáo dục nghề nghiệp; hướng dẫn, chỉ đạo việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

5. Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, tổ chức và nhân sự đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và chủ trương xã hội hóa sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

7. Chỉ đạo triển khai hợp tác giữa các doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đặt hàng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

8. Tổ chức công tác thống kê, thông tin về tổ chức và hoạt động giáo dục nghề nghiệp và hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

9. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí giáo dục nghề nghiệp theo quy định hiện hành.

10. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

11. Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

12. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 8. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp trên về phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn xã theo quy định tại Nghị định này.

Chương III
ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN, THỦ TỤC CHO PHÉP THÀNH LẬP, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ, ĐỔI TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI; CHO PHÉP THÀNH LẬP, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÂN HIỆU CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Mục 1
ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN, THỦ TỤC CHO PHÉP THÀNH LẬP CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, PHÂN HIỆU CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Điều kiện cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Có đề án thành lập phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam.

2. Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các trường hợp nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư).

3. Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu của trung tâm giáo dục nghề nghiệp là 1.000 m^2; của trường trung cấp là 10.000 m^2 đối với khu vực đô thị và 20.000 m^2 đối với khu vực ngoài đô thị; của trường cao đẳng là 20.000 m^2 đối với khu vực đô thị và 40.000 m^2 đối với khu vực ngoài đô thị.

4. Vốn đầu tư thành lập bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai, cụ thể như sau:

a) Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp tối thiểu là 05 (năm) tỷ đồng;

b) Đối với trường trung cấp tối thiểu là 50 (năm mươi) tỷ đồng;

c) Đối với trường cao đẳng tối thiểu là 100 (một trăm) tỷ đồng.

5. Chương trình đào tạo:

a) Chương trình đào tạo dự kiến phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật giáo dục nghề nghiệp; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy chương trình đào tạo của Việt Nam; chương trình đào tạo của nước ngoài trong khuôn khổ các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định;

c) Các môn học bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam theo học các chương trình đào tạo của nước ngoài trong các trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Có dự kiến cụ thể về cơ cấu tổ chức; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với điều kiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và Nghị định này.

Điều 10. Điều kiện cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cho người khuyết tật

Trường hợp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cho người khuyết tật phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 9 Nghị

định này và các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Điều 11. Điều kiện cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

1. Có đề án thành lập phân hiệu, trong đó nêu rõ sự cần thiết thành lập; tên gọi, phạm vi hoạt động; kế hoạch xây dựng, phát triển và ngành, nghề, trình độ, quy mô đào tạo tương ứng với từng giai đoạn phát triển phân hiệu và các minh chứng kèm theo.

2. Có hợp đồng hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất phù hợp và ổn định trong thời gian ít nhất là 05 năm.

3. Mức đầu tư ít nhất phải đạt 25% các mức quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

1. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các trường hợp nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư);

c) Đề án thành lập theo Mẫu 1B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận cho thuê đất của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất và thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định của pháp luật và các giấy tờ pháp lý liên quan còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ;

đ) Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính theo mức quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định này.

2. Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân nước ngoài góp vốn trở lên hoặc liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, ngoài hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ cần bổ sung gồm có:

a) Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá về tài sản là vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh đề nghị thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh;

c) Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên liên doanh cam kết góp vốn thành lập.

3. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đề án thành lập theo Mẫu 1B ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao các giấy tờ pháp lý chứng minh cơ sở vật chất và năng lực tài chính theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cho phép thành lập trường cao đẳng, phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 14. Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Trình tự

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường cao đẳng; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp và trường trung cấp;

b) Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận và thẩm tra sơ bộ hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận

được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tới Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định;

d) Việc thẩm định hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định và thông báo kết quả thẩm định;

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cho phép thành lập đã được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 13 Nghị định này quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 1C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thời hạn gửi quyết định cho phép thành lập

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cho phép thành lập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi quyết định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đặt trụ sở của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép thành lập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 15. Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

1. Trình tự

a) Trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cho phép thành lập phân hiệu của trường lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này và gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình người có thẩm quyền quy định tại Điều 13 Nghị định này quyết định cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 1C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời cho trường trung cấp, trường cao đẳng và nêu rõ lý do.

2. Thời hạn gửi quyết định cho phép thành lập phân hiệu

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi quyết định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đặt trụ sở và phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 16. Thủ tục đăng ký hoạt động và thời hạn hoạt động

1. Thủ tục, hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo Mục 1 và Mục 2 Chương III Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Thời hạn hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không quá 50 năm, tính từ ngày quyết định cho phép thành lập.

3. Trong trường hợp cần thiết, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thời gian hoạt động dài hơn thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Mục 2
HỒ SƠ, THỦ TỤC CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ, ĐỔI TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI; CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÂN HIỆU CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 17. Chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Nguyên tắc chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động;

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới được hình thành sau quá trình chia, tách, sáp nhập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản của tổ chức, cá nhân sở hữu đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do, mục đích của việc chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trụ sở chính, phân hiệu, địa điểm đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi sáp nhập và trụ sở mới của cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi chia, tách;

b) Biên bản họp của các bên góp vốn hoặc liên doanh về việc chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Một trong các loại giấy tờ tương ứng sau đây:

Hợp đồng sáp nhập do người đại diện theo pháp luật của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cùng ký kết. Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu: tên, địa chỉ trụ sở chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị sáp nhập thành phần vốn góp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhận sáp nhập, thời hạn thực hiện sáp nhập.

Đề án chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được chủ sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông qua. Đề án chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và phải có các nội dung về tên, địa điểm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị chia, tách; tên và địa điểm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi chia, tách; nguyên tắc và thủ tục chia, tách tài sản; phương án đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; thời hạn và thủ tục chuyển đổi phần vốn góp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị chia, tách sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới thành lập; nguyên tắc giải quyết các nghĩa vụ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị chia, tách; thời hạn thực hiện chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đề án chia, tách phải được gửi đến tất cả các chủ nợ (nếu có) và thông báo cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động biết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông qua đề án.

3. Thẩm quyền quyết định chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

Người có thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 13 Nghị định này có quyền quyết định cho phép chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Thủ tục chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Trình tự

Tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài khi sáp nhập hoặc chia, tách; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm tra hồ sơ và trình người có thẩm quyền quy định tại Điều 13 Nghị định này quyết định chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Trường hợp hồ sơ đề nghị không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nêu rõ lý do.

b) Thời hạn gửi quyết định cho phép chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cho phép chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi quyết định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đặt trụ sở của trường cao đẳng trước và sau chia, tách, sáp nhập để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cho phép chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 18. Giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bị giải thể đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp và được phép giải thể đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp.

2. Hồ sơ giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị giải thể của cơ quan có thẩm quyền, trong đó nêu rõ lý do bị giải thể;

b) Kết luận thanh tra, kiểm tra đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp;

c) Quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp;

d) Biên bản kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp.

3. Hồ sơ giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do giải thể;

b) Phương án giải thể, trong đó nêu rõ phương án giải quyết tài sản, quyền lợi của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động và thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền cho phép giải thể

Người có thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 13 Nghị định này có quyền cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Thủ tục cho phép giải thể

a) Trình tự:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập hồ sơ giải thể theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp;

Trong thời gian 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ giải thể, trình người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này xem xét, quyết định cho phép giải thể. Trong quyết định cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải ghi rõ lý do giải thể, các biện pháp bảo đảm quyền lợi của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; phương án giải quyết tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;

Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp thì Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập hồ sơ đề nghị giải thể theo quy định tại khoản 2 Điều này trình người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này xem xét, quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Trường hợp hồ sơ giải thể không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nêu rõ lý do.

b) Thời hạn gửi quyết định cho phép giải thể

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định cho phép giải thể trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm gửi quyết định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đặt trụ sở của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép giải thể trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định cho phép giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định cho phép giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 19. Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài

Việc chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện như quy định về giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Điều 20. Đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xem xét đổi tên khi có văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trong đó nêu rõ lý do của việc đổi tên; tên của cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi thay đổi.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, người có thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quyết định cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sau khi đổi tên được tiếp tục tổ chức đào tạo các ngành, nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Chương IV
ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN, THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

Điều 21. Các hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Liên kết thực hiện chương trình đào tạo toàn phần tại Việt Nam:

a) Theo chương trình do hai bên xây dựng và cấp bằng, chứng chỉ của Việt Nam;

b) Theo chương trình chuyển giao từ nước ngoài được tổ chức giáo dục, đào tạo quốc tế công nhận và cấp bằng, chứng chỉ của Việt Nam;

c) Theo chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên xây dựng được tổ chức giáo dục, đào tạo quốc tế công nhận và cấp bằng, chứng chỉ của nước ngoài;

d) Theo chương trình chuyển giao từ nước ngoài được tổ chức giáo dục, đào tạo quốc tế công nhận và cấp bằng, chứng chỉ của nước ngoài và của Việt Nam.

2. Liên kết thực hiện chương trình đào tạo một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài:

a) Theo chương trình của nước ngoài được tổ chức giáo dục, đào tạo quốc tế công nhận và cấp bằng, chứng chỉ của Việt Nam;

b) Theo chương trình của nước ngoài được tổ chức giáo dục, đào tạo quốc tế công nhận và cấp bằng, chứng chỉ của nước ngoài;

c) Theo chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên xây dựng được tổ chức giáo dục, đào tạo quốc tế công nhận và cấp bằng, chứng chỉ của Việt Nam và của nước ngoài.

Điều 22. Điều kiện liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Ngành, nghề và trình độ đào tạo

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện liên kết với cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài theo các hình thức liên kết đào tạo quy định tại Điều 21 Nghị định này được liên kết đào tạo các ngành, nghề và trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp, trừ các ngành, nghề thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, tôn giáo và bảo đảm không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

2. Đối tượng tuyển sinh vào học các chương trình liên kết đào tạo

a) Trường hợp cấp bằng, chứng chỉ của Việt Nam thì đối tượng tuyển sinh thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Trường hợp cấp bằng, chứng chỉ của nước ngoài thì đối tượng tuyển sinh thực hiện theo quy định của pháp luật nước ngoài;

c) Trường hợp đồng cấp bằng, chứng chỉ của nước ngoài và của Việt Nam thì đối tượng tuyển sinh thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

3. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Có phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đủ tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề liên kết. Diện tích phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập và giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 05 m^2/chỗ học;

b) Thiết bị đào tạo của từng ngành, nghề liên kết đào tạo phải bảo đảm đủ theo quy định trong chương trình đào tạo và tương ứng quy mô đào tạo của ngành, nghề liên kết.

4. Chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện liên kết đào tạo có trách nhiệm bảo đảm đầy đủ chương trình, giáo trình, tài liệu học tập, học liệu đào tạo phục vụ cho việc học tập của người học theo yêu cầu của từng chương trình liên kết.

5. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề và các tiêu chuẩn theo quy định, cụ thể:

a) Nhà giáo giảng dạy tại các chương trình liên kết đào tạo quy định tại các điểm a, b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định này phải đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 54 của Luật giáo dục nghề nghiệp hoặc là nghệ nhân, người có tay nghề cao;

b) Nhà giáo giảng dạy tại các chương trình liên kết đào tạo quy định tại các điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 21 của Nghị định này phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định của các chương trình liên kết hoặc tiêu chuẩn của quốc gia có cơ sở đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam;

c) Nhà giáo giảng dạy tại các chương trình liên kết đào tạo quy định tại điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 21 của Nghị định này phải đạt tiêu chuẩn theo quy định tại các điểm a, b khoản 5 Điều này;

d) Nhà giáo giảng dạy bằng ngoại ngữ trong chương trình liên kết đào tạo phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình do các bên liên kết thỏa thuận. Nhà giáo là người nước ngoài dạy ngoại ngữ tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp;

đ) Nhà giáo là người nước ngoài giảng dạy tại các chương trình liên kết đào tạo phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

e) Tỷ lệ tối đa là 25 học sinh, sinh viên/nhà giáo.

6. Ngôn ngữ giảng dạy và học tập:

a) Ngôn ngữ sử dụng để giảng dạy, học tập các môn chuyên ngành trong liên kết đào tạo để cấp bằng, chứng chỉ của Việt Nam hoặc nước ngoài là tiếng Việt, tiếng nước ngoài hoặc thông qua phiên dịch;

b) Người vào học chương trình liên kết đào tạo để cấp bằng của nước ngoài phải có trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu của các bên liên kết, nhưng tối thiểu phải đạt trình độ ngoại ngữ đầu ra đạt trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam về năng lực ngoại ngữ hoặc tương đương;

c) Căn cứ nhu cầu của người học, các bên liên kết có thể tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giúp người học đạt trình độ quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.

Điều 23. Hồ sơ đăng ký hoạt động liên kết đào tạo nghề nghiệp

Hồ sơ đăng ký hoạt động liên kết đào tạo nghề nghiệp là 01 bộ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký hoạt động liên kết đào tạo do các bên liên kết cùng ký theo Mẫu 3A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Báo cáo thực trạng về các điều kiện bảo đảm hoạt động liên kết đào tạo do các bên liên kết xây dựng theo Mẫu 3B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Bản sao giấy tờ chứng minh cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam và cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết.

4. Bản sao giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đối với chương trình đào tạo nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 24. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo

1. Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học.

2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức liên kết đào tạo cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp.

Điều 25. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo

1. Trình tự

a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp liên kết đào tạo lập hồ sơ theo quy định tại Điều 23 Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đối với hồ sơ đăng ký hoạt động liên kết đào tạo của trường cao đẳng; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với hồ sơ đăng ký hoạt động liên kết đào tạo của trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm tra thực tế khả năng đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này. Căn cứ kết quả thẩm tra thực tế, người có thẩm quyền quy định tại Điều 24 Nghị định này quyết định cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo theo Mẫu 3C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp hồ sơ đăng ký hoạt động liên kết đào tạo không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Thời hạn gửi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo.

Điều 26. Đình chỉ hoạt động liên kết và chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp bị đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Tại thời điểm tuyển sinh không đáp ứng các điều kiện bảo đảm cho hoạt động liên kết quy định tại Điều 22 Nghị định này;

b) Có hành vi gian lận để được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo;

c) Tổ chức tuyển sinh khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo;

d) Người cấp giấy chứng nhận hoạt động liên kết đào tạo không đúng thẩm quyền;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo hoặc bị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị của các bên liên kết;

b) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động liên kết nhưng không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến đình chỉ hoạt động liên kết;

c) Có hành vi vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng;

d) Không triển khai hoạt động liên kết đào tạo sau thời hạn 24 tháng trở lên kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận hoạt động liên kết đào tạo;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo

a) Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có quyền đình chỉ đối với hoạt động liên kết đào tạo của trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học;

b) Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền đình chỉ đối với hoạt động liên kết đào tạo của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp.

4. Thủ tục đình chỉ liên kết đào tạo

Người có thẩm quyền đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo quy định tại khoản 3 Điều này thực hiện đình chỉ liên kết đào tạo theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm, xác định lý do đình chỉ liên kết đào tạo;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm, lý do đình chỉ, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này ban hành quyết định đình chỉ liên kết đào tạo theo Mẫu 4A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, thông báo đến cơ quan liên quan biết để phối hợp thực hiện và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan. Quyết định đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo phải xác định rõ lý do, nội dung, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày bị đình chỉ liên kết đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp phải bồi hoàn kinh phí đào tạo cho người học, thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể; thanh toán các khoản nợ thuế và các khoản nợ khác (nếu có);

d) Sau thời hạn đình chỉ liên kết đào tạo, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì người có thẩm quyền quyết định đình chỉ ra quyết định cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại theo Mẫu 4B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và phải được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan. Nếu chưa cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại thì phải có văn bản thông báo cho các bên liên kết, nêu rõ lý do và hướng giải quyết.

5. Hồ sơ, thủ tục đề nghị được hoạt động liên kết đào tạo trở lại

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc trước khi hết thời hạn đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo, đại diện các bên liên kết đào tạo gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện văn bản đề nghị hoạt động liên kết đào tạo trở lại đến người có thẩm quyền đình chỉ liên kết đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm tra thực tế khả năng đáp ứng các điều kiện liên kết theo quy định tại Điều 22 Nghị định này;

c) Căn cứ kết quả thẩm tra thực tế, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này quyết định chấm dứt đình chỉ liên kết đào tạo và cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại.

6. Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo

a) Trong thời hạn 60 ngày làm việc trước khi chấm dứt liên kết đào tạo, các bên liên kết phải gửi báo cáo chấm dứt liên kết đào tạo đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đặt trụ sở chính đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp và doanh nghiệp để theo dõi, quản lý;

b) Báo cáo chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo phải nêu rõ lý do, nội dung chấm dứt, phương án giải quyết các quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; thanh toán các khoản nợ thuế và các khoản nợ khác (nếu có).

Chương V
ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN THÀNH LẬP, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC, CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 27. Vị trí pháp lý của văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là văn phòng đại diện) có chức năng đại diện cho tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật giáo dục nghề nghiệp.

Điều 28. Tên của văn phòng đại diện

Tên của văn phòng đại diện gồm các yếu tố cấu thành được sắp xếp theo trật tự: “Văn phòng đại diện”, “Tên của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài” và “tại Việt Nam”.

Điều 29. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động văn phòng đại diện

Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 49 của Luật giáo dục nghề nghiệp.

Điều 30. Thời hạn của giấy phép hoạt động văn phòng đại diện

Giấy phép hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam có thời hạn không quá 05 năm, kể từ ngày quyết định cho phép thành lập. Trường hợp gia hạn thì thời hạn không quá 03 năm; cấp lại có thời hạn không quá thời hạn của giấy phép đã được cấp trước đó.

Điều 31. Thẩm quyền cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 32. Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam, trong đó nêu lý do, sự cần thiết thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam; tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài; dự kiến nhân sự giữ chức trưởng văn phòng đại diện tại Việt Nam theo Mẫu 5A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài;

c) Bản sao Điều lệ hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài;

d) Dự thảo Quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam;

đ) Lý lịch cá nhân của người dự kiến giữ chức trưởng văn phòng đại diện tại Việt Nam có xác nhận của người đứng đầu tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài ở nước ngoài hoặc của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

e) Các văn bản xác nhận do cơ quan nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự.

2. Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện

a) Trình tự:

Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm tra, lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu có), trình người có thẩm quyền quy định tại Điều 31 Nghị định này quyết định cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu 5B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Thời hạn gửi giấy phép thành lập văn phòng đại diện:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi bản sao giấy phép thành lập về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở để theo dõi, quản lý và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập

1. Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài phải đăng ký sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài trong phạm vi quốc gia mà tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài được thành lập;

b) Thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện tại Việt Nam;

c) Hết thời hạn hoạt động quy định trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2. Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài phải đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi chức năng, phạm vi hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài;

b) Thay đổi trụ sở của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài từ quốc gia này sang quốc gia khác;

c) Bị mất hoặc rách nát giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi hoặc bị mất, rách nát giấy phép thành lập văn phòng đại diện hoặc 30 ngày trước khi giấy phép thành lập văn phòng đại diện hết hiệu lực, tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài phải gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Người có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện có quyền cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

5. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài với những nội dung chính: Tên, địa chỉ của văn phòng đại diện; nội dung thay đổi, bổ sung; lý do sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện;

b) Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (trừ trường hợp bị mất).

6. Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện

a) Trình tự:

Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện lập hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm tra, trình người có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu 5C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện cho tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi bản sao quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đặt trụ sở của văn phòng đại diện để theo dõi, quản lý và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

Điều 34. Chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập

1. Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam chấm dứt hoạt động theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 49 của Luật giáo dục nghề nghiệp.

2. Người có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 31 Nghị định này thì có thẩm quyền quyết định chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập đối với văn phòng đại diện.

3. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo lý do thu hồi giấy phép hoặc lý do chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở biết trước khi văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động.

4. Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày được thông báo chấm dứt hoạt động, văn phòng đại diện phải hoàn thành mọi thủ tục liên quan đến người lao động; các khoản nợ, tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội; thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có); hoàn trả giấy phép thành lập văn phòng đại diện, nộp lại con dấu và gửi báo cáo bằng văn bản đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Điều 35. Thông báo hoạt động của văn phòng đại diện

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép thành lập, văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam phải tiến hành đăng trong 03 số báo liên tiếp, trong đó có ít nhất 01 tờ báo Trung ương và 01 tờ báo địa phương về các nội dung chủ yếu bao gồm: Tên của văn phòng đại diện bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thông dụng (nếu có); giấy phép thành lập văn phòng đại diện (số, ngày và cơ quan cấp); họ và tên Trưởng văn phòng đại diện; địa điểm đặt trụ sở, biểu tượng, điện thoại, fax, trang web và email (nếu có); số tài khoản tại ngân hàng giao dịch; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (số, ngày và cơ quan cấp).

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện trong thời gian hoạt động tại Việt Nam có các quyền sau đây:

a) Được Nhà nước Việt Nam bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Thuê trụ sở, thuê, mua các phương tiện, vật dụng cần thiết cho hoạt động của văn phòng đại diện; tuyển dụng lao động là người Việt Nam, người nước ngoài để làm việc tại văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Mở tài khoản theo quy định của pháp luật Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này vào hoạt động của văn phòng đại diện;

d) Có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng đại diện trong thời gian hoạt động tại Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:

a) Triển khai các hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; mục tiêu, phạm vi hoạt động, thời hạn, địa điểm được ghi trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam;

b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo bằng hình thức trực tuyến và văn bản kết quả hoạt động của văn phòng đại diện về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở;

c) Báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải thích những vấn đề liên quan khi có yêu cầu của cơ quan Việt Nam có thẩm quyền;

d) Người đứng đầu văn phòng đại diện tại Việt Nam thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền;

đ) Nhân viên nước ngoài của văn phòng đại diện có trách nhiệm thực hiện đúng mục đích nhập cảnh Việt Nam; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tôn trọng các phong tục, tập quán của Việt Nam. Mọi hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam của nhân viên văn phòng đại diện sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật Việt Nam;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI
ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN, THỦ TỤC THÀNH LẬP, CÔNG NHẬN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TƯ THỤC VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG KHÔNG VÌ LỢI NHUẬN

Điều 37. Điều kiện xác định, căn cứ đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Điều kiện xác định cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận:

a) Chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học hàng năm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp là tài sản sở hữu chung hợp nhất không phân chia, dùng để đầu tư phát triển cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; hoạt động nghiên cứu khoa học; cấp học bổng cho người học và sử dụng cho các mục tiêu phục vụ lợi ích cộng đồng khác;

b) Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nếu là trường cao đẳng; có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp đặt trụ sở chính nếu là trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát;

c) Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư không nhận lợi tức, hoặc nhận lợi tức nhưng không vượt quá lãi suất trái phiếu Chính phủ quy định trong cùng thời kỳ.

2. Căn cứ để đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện cam kết hoạt động không vì lợi nhuận là báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo kiểm toán theo định kỳ.

Điều 38. Chính sách khuyến khích đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận được hưởng các chính sách theo quy định tại các điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều 26 của Luật giáo dục nghề nghiệp và các chính sách sau:

a) Ưu tiên cho thuê đất, cơ sở vật chất;

b) Ưu tiên tiếp nhận các dự án đầu tư, đặt hàng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

c) Được hỗ trợ kỹ thuật để tiếp nhận học sinh phổ thông dân tộc nội trú khi ra trường vào học nghề và phát triển đào tạo các ngành, nghề đáp ứng nhu cầu học tập của người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

2. Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã cam kết hoạt động không vì lợi nhuận nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng với những quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định này thì bị xử lý như sau:

a) Thu hồi quyết định thành lập, công nhận hoạt động không vì lợi nhuận;

b) Tước quyền thụ hưởng các chính sách ưu tiên đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận;

c) Phải hoàn trả các khoản hỗ trợ tài chính của Nhà nước gồm các khoản ưu đãi về tín dụng, ưu đãi từ các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, dự án trong và ngoài nước;

d) Bị truy thu các khoản thuế và bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định.

Điều 39. Thẩm quyền quyết định thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thành lập, công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

Điều 40. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc Điều 12 Nghị định này đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bổ sung các giấy tờ sau:

a) Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định này;

b) Biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn;

c) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận;

d) Dự thảo Quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận là 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận (trong đó nêu rõ tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài);

b) Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định này;

c) Biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn;

d) Bản sao quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

đ) Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất và báo cáo kiểm toán theo định kỳ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 41. Thủ tục thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Thủ tục thành lập mới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Thủ tục thành lập mới cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

3. Thủ tục công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận.

a) Trình tự:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, tổ chức thẩm định và lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, trình người có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này quyết định công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa bảo đảm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có ý kiến, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc giải trình thêm các nội dung.

b) Thời hạn gửi quyết định thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp gửi quyết định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đặt trụ sở chính của trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, công nhận trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn

đầu tư nước ngoài trên địa bàn hoạt động không vì lợi nhuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để theo dõi, quản lý và thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình về quyết định thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

Chương VII
QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 42. Quyền của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Được thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nhân lực trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong doanh nghiệp và cho xã hội theo quy định tại Điều 18 Luật giáo dục nghề nghiệp.

2. Được tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên tại nơi làm việc của doanh nghiệp theo quy định sau đây:

a) Đối tượng đào tạo là người lao động làm việc tại doanh nghiệp và lao động khác có nhu cầu được đào tạo;

b) Chương trình đào tạo bao gồm: Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật giáo dục nghề nghiệp;

c) Người dạy là nhà giáo hoặc nhà khoa học, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người có tay nghề cao, nông dân sản xuất giỏi;

d) Thỏa thuận với người học là người lao động của doanh nghiệp về mức tiền lương và phương thức trả lương trong thời gian đào tạo;

đ) Người học sau khi học hết chương trình đào tạo, nếu đạt yêu cầu thì được người đứng đầu doanh nghiệp cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo. Chứng chỉ đào tạo phải ghi rõ nội dung và thời gian đào tạo;

e) Báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức đào tạo trước khi tổ chức đào tạo để theo dõi, quản lý.

3. Được liên kết, phối hợp với các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định.

4. Được tham gia đặt hàng đào tạo nghề nghiệp đối với các ngành, nghề ưu tiên cho phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; được đặt hàng đào tạo với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp ở các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

5. Cử đại diện tham gia vào hội đồng trường cao đẳng, trường trung cấp công lập; hội đồng quản trị trường cao đẳng, trường trung cấp tư thục nếu lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp có liên quan đến ngành, nghề đào tạo của trường.

6. Được tham gia xây dựng danh mục ngành, nghề đào tạo; xây dựng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp; chương trình, giáo trình đào tạo nghề nghiệp; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

7. Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; cấp học bổng cho học sinh, sinh viên của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

8. Được thực hiện các quyền khác theo quy định tại Điều 51 của Luật giáo dục nghề nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Hàng năm báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi doanh nghiệp có trụ sở chính về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động theo ngành nghề và nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

2. Cử người đại diện là chuyên gia, cán bộ kỹ thuật phù hợp tham gia xây dựng danh mục ngành, nghề đào tạo; xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực tập và đánh giá kết quả học tập của người học tại các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

3. Tự tổ chức đào tạo, phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo; đặt hàng với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp theo quy định.

4. Cung cấp thông tin phản hồi về chất lượng lao động qua đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và thông tin cho các cuộc điều tra, khảo sát của cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp khi có yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề nghiệp.

5. Tiếp nhận nhà giáo, học sinh, sinh viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến tham quan, thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng nghề tại doanh nghiệp hoặc cập nhật, tiếp cận công nghệ mới; trả tiền lương cho nhà giáo, học sinh, sinh viên

trực tiếp hoặc tham gia lao động làm ra sản phẩm hợp quy cách bao gồm hàng hóa hoặc dịch vụ được cung cấp trên thị trường trong thời gian thực tập tại doanh nghiệp theo mức do các bên thỏa thuận. Trường hợp tiếp nhận người lao động vào đào tạo để làm việc cho doanh nghiệp thì phải ký hợp đồng đào tạo với người lao động và không thu học phí.

6. Trả chi phí đào tạo, trả lương cho người lao động của doanh nghiệp trong thời gian nghỉ đi học theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp và người lao động theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động trong doanh nghiệp và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại các Điều 60, 61 của Bộ luật lao động.

8. Thực hiện trách nhiệm xã hội đối với hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cam kết đóng góp vào sự phát triển bền vững của giáo dục nghề nghiệp thông qua các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 52 của Luật giáo dục nghề nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Quy định chuyển tiếp

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện thì điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ để được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cho phép thành lập thì điều chỉnh hồ sơ và thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 45. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản liên quan đến giáo dục nghề nghiệp

1. Sửa đổi điểm i khoản 5 Điều 47 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức như sau:

"i) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp, lao động và xã hội;"

2. Thay thế một số cụm từ quy định tại Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường như sau:

"a) Thay thế cụm từ "cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở Trung ương" bằng "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" tại khoản 3 Điều 4;

b) Thay thế cụm từ "Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở Trung ương" bằng "Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 9".

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp như sau:

a) Sửa tên khoản 2 Điều 29 thành "Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có quyền:";

b) Sửa tên khoản 3 Điều 29 thành "Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (trừ nhóm ngành đào tạo giáo viên), về đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, gồm:";

c) Sửa tên khoản 4 Điều 29 thành "Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với việc tổ chức, hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên gồm:";

d) Sửa tên khoản 5 Điều 29 thành "Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (trừ nhóm ngành đào tạo giáo viên), về đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, gồm:";

đ) Sửa tên khoản 6 Điều 29 thành "Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với việc tổ chức, hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên gồm:";

e) Khoản 2 Điều 31 sửa lại thành "Cán bộ, công chức là thành viên đoàn thanh tra theo quyết định thanh tra của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.".

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 17 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

"1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo thẩm quyền chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn chi tiết tổ chức thực hiện Nghị định này. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc xác định các ngành, nghề đào tạo của giáo dục nghề nghiệp tương ứng với khung học phí quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này."

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 14 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập như sau:

"1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành Nghị định này."

6. Sửa đổi Điều 14 của Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 14 như sau:

"c) Có đội ngũ giáo viên đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi tối đa là 25 học sinh/giáo viên; có giáo viên cơ hữu cho nghề tổ chức đào tạo."

b) Bãi bỏ điểm đ khoản 2 Điều 14.

7. Thay thế Mẫu số 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bằng Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bãi bỏ cụm từ "Bộ Giáo dục và Đào tạo" quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp hết hiệu lực thi hành.

Điều 47. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ)

Mẫu 1A	Văn bản đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 1B	Đề án thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 1C	Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 2A	Quyết định chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 2B	Quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu 3A	Văn bản đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu 3B	Báo cáo đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu 3C	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu 4A	Quyết định đình chỉ, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu 4B	Quyết định cho phép hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài trở lại
Mẫu 5A	Văn bản đề nghị cho phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu 5B	Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu 5C	Giấy phép thành lập, sửa đổi, gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu 6	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Mẫu 1A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

Kính gửi:.....(1).....
V/v đề nghị cho phép thành lập.....(2).....

1. Họ và tên người đại diện tổ chức đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp/phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu.....; ngày, tháng cấp, nơi cấp:.....

Nơi đăng ký thường trú tại Việt Nam (nếu có): .....

2. Lý do đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp/phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:.....

.....

3. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị cho phép thành lập:

Số Giấy chứng nhận đầu tư của dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.... ngày... tháng... năm...., cơ quan cấp:.....

Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dự kiến thành lập:.....(3) .....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....(4).....

Phân hiệu/địa điểm đào tạo (nếu có):.....(5).....

Số điện thoại:..... Fax:.....

Website (nếu có):..... Email: .....

4. Chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp/phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: .....

5. Ngành, nghề đào tạo và trình độ đào tạo:.....

a) Tại trụ sở chính

b) Tại phân hiệu/địa điểm đào tạo (nếu có ghi riêng cho từng phân hiệu/địa điểm đào tạo)

6. Diện tích đất sử dụng:..... Diện tích xây dựng.....

7. Vốn đầu tư: .....

8. Thời hạn hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: .....

(Kèm theo đề án thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

Tôi xin chấp hành đúng những quy định về giáo dục nghề nghiệp và pháp luật có liên quan của Nhà nước Việt Nam.

Đề nghị.....(6)..... xem xét, quyết định./.

(7)

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

---

(1), (6): Ghi tên đầy đủ của cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(2), (3): Ghi cụ thể tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị thành lập, cho phép thành lập (ví dụ: Trường Cao đẳng A, Trường Trung cấp B, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp C).

(4): Ghi địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp/phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị cho phép thành lập.

(5): Ghi địa điểm dự kiến đặt phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng hoặc địa điểm đào tạo (nếu có) của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị cho phép thành lập.

(7): Chức danh người đứng đầu tổ chức đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Mẫu 1B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20....

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP.....(1).....

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP....(2).....

1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn (hoặc lĩnh vực).

2. Thực trạng nguồn nhân lực và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trên địa bàn (hoặc lĩnh vực).

3. Thực trạng công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn (hoặc lĩnh vực).

4. Nhu cầu đào tạo.....(3)..... trên địa bàn (hoặc lĩnh vực) và các tỉnh lân cận.

5. Quá trình hình thành và phát triển (chỉ áp dụng đối với trường hợp nâng cấp cơ sở giáo dục nghề nghiệp):

a) Sơ lược quá trình hình thành và phát triển.

b) Về cơ sở vật chất.

c) Về thiết bị đào tạo.

d) Về đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý.

đ) Về chương trình, giáo trình, đào tạo.

e) Về kinh phí hoạt động.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA.....(4).....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ....(5).... **ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP THÀNH LẬP**

1. Tên:.....(6) .....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....(7).....

3. Phân hiệu/địa điểm đào tạo (nếu có): .....

4. Số điện thoại:..... Fax:..... Website:....., Email:.....

5. Đơn vị quản lý trực tiếp (nếu có):.....

6. Họ và tên người dự kiến làm Hiệu trưởng trường/Giám đốc trung tâm:

.....

(Có sơ yếu lý lịch kèm theo)

- Chức năng, nhiệm vụ của trường/trung tâm: .....

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Mục tiêu chung:

2. Mục tiêu cụ thể: Tên ngành, nghề, quy mô đào tạo, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo tại trụ sở chính và từng phân hiệu/địa điểm đào tạo (nếu có).

a) Dự kiến quy mô tuyển sinh

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Cao đẳng (8)**						
1							
2							
...	.....						
II	**Trung cấp (9)**						
1							
2							
...	.....						
III	**Sơ cấp (10)**						
1							
2							
...	.....						
IV	**Tổng cộng**						

b) Dự kiến quy mô đào tạo

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô đào tạo				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	**Cao đẳng (11)**						
1							
2							
...	.....						
II	**Trung cấp (12)**						
1							
2							
...	.....						
III	**Sơ cấp (13)**						
1							
2							
...	.....						
IV	**Tổng cộng**						

III. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG/TRƯỜNG TRUNG CẤP/TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ cấu tổ chức (phòng, khoa, bộ môn, các đơn vị phục vụ đào tạo....)

2. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức thuộc trường/trung tâm.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trường/Giám đốc, Phó Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất:

- Diện tích đất sử dụng:

+ Đất xây dựng:

+ Đất lưu không:

- Diện tích xây dựng:

+ Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành.

+ Khu phục vụ: Thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...

+ Các hạng mục khác...

b) Danh mục thiết bị, dụng cụ, phương tiện đào tạo theo từng ngành, nghề (tên, số lượng, năm sản xuất...).

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề của đội ngũ nhà giáo theo từng ngành, nghề đào tạo.

b) Số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy cho từng ngành, nghề đào tạo.

4. Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn để thực hiện đề án

a) Nguồn vốn (14);

b) Kế hoạch sử dụng vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình và chi cho các hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi được cho phép thành lập.

Phần thứ ba
KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kế hoạch và tiến độ xây dựng cơ sở vật chất.

2. Kế hoạch và tiến độ mua sắm thiết bị.

3. Kế hoạch và tiến độ tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch và tiến độ phát triển chương trình, giáo trình.

5. Tổng hợp kế hoạch, tiến độ sử dụng nguồn vốn để thực hiện từng nội dung trên.

Phần thứ tư
HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế.

2. Về xã hội, môi trường.

3. Tính bền vững của đề án.

(15)	(16)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(1), (2), (4), (5), (6): Ghi cụ thể tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị thành lập, cho phép thành lập như: Trường Cao đẳng A, Trường Trung cấp B, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp C.

(3): Đối với đề án đề nghị cho phép thành lập trường cao đẳng ghi "trình độ cao đẳng hoặc/và trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp"; đối với đề án đề nghị cho phép thành lập trường trung cấp ghi "trình độ trung cấp hoặc/và trình độ sơ cấp"; đối với đề án đề nghị cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp ghi "trình độ sơ cấp".

(7): Ghi địa điểm nơi dự kiến đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị cho phép thành lập (phường/xã/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(8), (11): Trường cao đẳng điền thông tin vào nội dung này.

(9), (12): Trường cao đẳng (nếu dự kiến tổ chức đào tạo trình độ trung cấp), trường trung cấp điền thông tin vào nội dung này.

(10), (13): Trường cao đẳng, trường trung cấp (nếu dự kiến tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp), trung tâm giáo dục nghề nghiệp điền thông tin vào nội dung này.

(14): Hồ sơ chứng minh về nguồn vốn là văn bản xác nhận của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng về nguồn vốn để đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục.

(15): Phê duyệt của người đứng đầu tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(16): Người đứng đầu tổ chức lập đề án.

Mẫu 1C

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: (2) /QĐ-....(3)...	*....(4)...., ngày..... tháng..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép thành lập.....(5).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6).....

Căn cứ .....(7).....;
Căn cứ .....(8).....;
Xét đề nghị của .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (9) .....
.....
Điều... .....
...../.

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- .....;
- Lưu: VT,.... (11) A.xx (12)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (10)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

(1) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
(2) Số văn bản.
(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
(4) Địa danh.
(5) Trích yếu nội dung quyết định: cho phép thành lập (phân hiệu) "tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp".
(6) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.
(7) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).
(8) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.
(9) Nội dung quyết định: cho phép thành lập (phân hiệu) cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
(10) Quyền hạn, chức vụ của người ký.
(11) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
(12) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 2A

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: (2) /QĐ-....(3)...	*....(4)...., ngày..... tháng..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc.....(5).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6).....

Căn cứ .....(7)..... ;

Căn cứ .....(8)..... ;

Xét đề nghị của ..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (9) .....

.....

Điều... .....

...../.

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- .....;
- Lưu: VT,.... (11) A.xx (12)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(10)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

(1) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
(2) Số văn bản.
(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
(4) Địa danh.
(5) Trích yếu nội dung quyết định: chia, tách, sáp nhập, đổi tên "tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp".
(6) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.
(7) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).
(8) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.
(9) Nội dung quyết định: chia, tách, sáp nhập, đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
(10) Quyền hạn, chức vụ của người ký.
(11) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
(12) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 2B

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: (2) /QĐ-....(3)...	*....(4)...., ngày..... tháng..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép giải thể......(5).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH(6).....

Căn cứ .....(7).....;

Căn cứ .....(8).....;

Xét đề nghị của .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (9) .....

.....(10).....

Điều... .....

...../.

Nơi nhận:
- Như Điều...;
-.....;
- Lưu: VT,.... (12) A.xx (13)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (11)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

(1) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
(2) Số văn bản.
(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
(4) Địa danh.
(5) Trích yếu nội dung quyết định: cho phép giải thể + "tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp".
(6) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.
(7) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).
(8) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.
(9) Nội dung quyết định: giải thể + tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
(10) Nêu rõ lý do giải thể; các biện pháp bảo đảm quyền lợi của người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động; phương án giải quyết tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.
(11) Quyền hạn, chức vụ của người ký.
(12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
(13) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 3A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi:.....(1).....

Chúng tôi, những người cùng ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết đào tạo gồm:

I. CÁC BÊN LIÊN KẾT:

1. Bên Việt Nam:

.....(2).....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Website:..... Email: .....

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng.....

Người đại diện: .....

Chức vụ:.....

2. Bên nước ngoài:

.....(3).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Website:..... Email: .....

Văn bản pháp lý về việc thành lập/Giấy phép đăng ký hoạt động: .....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng.....

Người đại diện: .....

Chức vụ:.....

Đề nghị...(4)... xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo cấp bằng.....(5)....., giữa.....(6)..... và....(7).....

II. NỘI DUNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu, phạm vi liên kết đào tạo

a) Tại trụ sở chính:

TT	Tên ngành, nghề liên kết đào tạo	Mã ngành/ nghề (8)	Quy mô tuyển sinh/năm	Văn bằng, chứng chỉ	Trình độ đào tạo
1					
2					
....					

b) Tại phân hiệu (nếu có):

TT	Tên ngành, nghề liên kết đào tạo	Mã ngành/ nghề (9)	Quy mô tuyển sinh/năm	Văn bằng, chứng chỉ	Trình độ đào tạo
1					
2					
....					

2. Thời gian liên kết đào tạo

3. Trách nhiệm của các bên liên kết đào tạo

4. Việc giải quyết tranh chấp trong quá trình liên kết đào tạo

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng những quy định pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT,....

.....(10).....
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

.....(11).....
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

---

(1), (4) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo.

(2), (6), và (3), (7), Ghi đúng tên hai cơ sở đăng ký hoạt động liên kết đào tạo theo tên trong quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

(8), (9): Mã ngành, nghề áp dụng đối với trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

(10), (11): Quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu 3B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20....

BÁO CÁO
Đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG

I. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VIỆT NAM

1. Tên cơ sở đăng ký:.....(1) .....
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
Phân hiệu (nếu có):.....
Số điện thoại:....., Fax: .....
Website:....., Email:.....
3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập số: .....
Ngày, tháng, năm cấp:.....
Cơ quan cấp:.....
4. Cơ quan chủ quản/cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có):.....(2) .....
5. Chức năng, nhiệm vụ: .....
6. Số Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo .....

II. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NƯỚC NGOÀI

1. Tên cơ sở đăng ký:.....(3) .....
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
Phân hiệu (nếu có):.....
Số điện thoại:....., Fax: .....
Website:....., Email:.....
3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập số: .....
Ngày, tháng, năm cấp:.....
Cơ quan cấp:.....

4. Cơ quan chủ quản/cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có):.....(4) .....

5. Chức năng, nhiệm vụ: .....

6. Số Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo .....

III. NỘI DUNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu của chương trình liên kết đào tạo, ngành, nghề, trình độ đào tạo

2. Đối tượng tuyển sinh và tiêu chí tuyển sinh

3. Quy mô liên kết đào tạo

a) Tại trụ sở chính:

TT	Tên ngành, nghề liên kết đào tạo	Mã ngành/ nghề (5)	Quy mô tuyển sinh/năm	Văn bằng, chứng chỉ	Trình độ đào tạo
1					
2					
....					

b) Tại phân hiệu (nếu có):

TT	Tên ngành, nghề liên kết đào tạo	Mã ngành/ nghề (6)	Quy mô tuyển sinh/năm	Văn bằng, chứng chỉ	Trình độ đào tạo
1					
2					
....					

4. Hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

5. Bằng, chứng chỉ được cấp

6. Mức học phí

7. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết

Phần thứ hai
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THEO TỪNG NGÀNH, NGHỀ

A. TẠI TRỤ SỞ CHÍNH

I. Ngành, nghề:.. (thứ nhất)...; trình độ đào tạo; quy mô tuyển sinh/năm: (7)

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất (8)

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn
- Số phòng/xưởng thực hành, thực tập

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo (9)

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1			
...			

2. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của ngành, nghề

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi

c) Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1					
2					
...					

d) Nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1						
2						
...						

(Có hồ sơ chứng minh kèm theo) (10)

3. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh *(có chương trình đào tạo kèm theo) (11)*

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của ngành, nghề

II. Ngành, nghề:.....(thứ hai).....; trình độ đào tạo; quy mô tuyển sinh/ năm:.....(12).....

(Trình bày tương tự như mục I nêu trên)

B. TẠI PHÂN HIỆU (NẾU CÓ) (13)

(Trình bày tương tự như mục A nêu trên)

.....

.....

Nơi nhận:
- Như trên;
-

.....(14).....
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

---

(1), (3): Ghi đúng tên cơ sở đăng ký hoạt động liên kết đào tạo theo tên trong quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
(2), (4): Ghi đúng tên cơ quan chủ quản của các bên liên kết (nếu có).
(5), (6): Ghi đúng mã ngành, nghề liên kết đào tạo.
(7): Ghi rõ tên và trình độ đào tạo, quy mô tuyển sinh/năm của từng ngành, nghề.
(8): Hồ sơ chứng minh về cơ sở vật chất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê, mua, chuyển nhượng địa điểm, cơ sở vật chất.
(9): Hồ sơ chứng minh về thiết bị, dụng cụ đào tạo bao gồm: Bản sao (không cần chứng thực) hợp đồng mua bán, biên bản thanh lý, biên bản nghiệm thu, hóa đơn tài chính.
Nếu thiết bị đào tạo đi thuê: Bản sao (không cần chứng thực) hợp đồng thuê thiết bị, biên bản bàn giao thiết bị.
(10): Hồ sơ chứng minh của nhà giáo:
Mỗi nhà giáo phải có các hồ sơ chứng minh sau (bản sao không cần chứng thực):
- Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động (đối với nhà giáo cơ hữu); hợp đồng thỉnh giảng (nếu là nhà giáo thỉnh giảng);
- Văn bằng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.
(11): Một chương trình đào tạo bao gồm:
- Quyết định ban hành chương trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Chương trình đào tạo chi tiết.
(12): Báo cáo tiếp tục các điều kiện bảo đảm hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho ngành, nghề thứ hai như ngành, nghề thứ nhất.
(13): Trong trường hợp đăng ký hoạt động liên kết đào tạo tại phân hiệu thì phải báo cáo lần lượt các ngành, nghề đăng ký liên kết đào tạo.
(14): Quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu 3C

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN** (2) Số:...../GCNĐKHĐLK-....(3)....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *...., ngày.... tháng.... năm 20....*

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

.....(4)..... chứng nhận:

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Thuộc: .....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:....., Fax: .....

Website:....., Email: .....

Địa chỉ phân hiệu (nếu có):.....

Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: .....

Ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp: .....

2. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài/tổ chức nước ngoài (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Thuộc: .....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:....., Fax: .....

Website:....., Email: .....

Địa chỉ phân hiệu (nếu có):.....

Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:.....Ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp:.....

3. Hai Bên được hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài như sau:

a) Ngành nghề, số lượng, quy mô và trình độ đào tạo

- Tại trụ sở chính:

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề (5)	Quy mô tuyển sinh/năm	Văn bằng, chứng chỉ	Trình độ đào tạo
...					

- Tại phân hiệu (nếu có):.....(6).....

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề (7)	Quy mô tuyển sinh/năm	Văn bằng, chứng chỉ	Trình độ đào tạo
...					

b) Đối tượng tuyển sinh: .....

c) Thời gian và chương trình đào tạo:.....

d) Ngôn ngữ giảng dạy nội dung chuyên môn:.....

đ) Địa điểm đào tạo:.....

e) Bằng tốt nghiệp:.....

g) Kinh phí đào tạo và quản lý tài chính:.....

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

.....(8).....

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

---

(1): Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với giấy chứng nhận do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp) hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với giấy chứng nhận do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp).

(2): Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

(3): Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo.

(4): Tên đầy đủ của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo.

(5), (7): Mã ngành/nghề áp dụng đối với các ngành/nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

(6): Ghi địa chỉ của từng phân hiệu.

(8): Quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu 4A

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (1) **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC** (2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: (3) /QĐ-....(4)...	*.... (5).... , ngày..... tháng..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc...... (6).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (7).....

Căn cứ .....(8).....;

Căn cứ .....(9).....;

Xét đề nghị của .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (10) .....

.....

Điều... .....

...../.

Nơi nhận:
- Như Điều...;
-.....;
- Lưu: VT,.... (12) A.xx (13)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (11)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
(3) Số văn bản.
(4) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
(5) Địa danh.
(6) Trích yếu nội dung quyết định: đình chỉ, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo.
(7) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.
(8) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).
(9) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.
(10) Nội dung quyết định: nội dung liên kết, lý do, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động.
(11) Quyền hạn, chức vụ của người ký.
(12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
(13) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 4B

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (1) **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC** (2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: (3) /QĐ-....(4)...	*.... (5).... , ngày..... tháng..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc...... (6).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (7).....

Căn cứ ..... (8) .....;

Căn cứ ..... (9).....;

Xét đề nghị của .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ..... (10) .....

.....

Điều... .....

...../.

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- .....;
- Lưu: VT,.... (12) A.xx (13)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (11)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
(3) Số văn bản.
(4) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
(5) Địa danh.
(6) Trích yếu nội dung quyết định: cho phép hoạt động liên kết đào tạo với tổ chức, cơ sở đào tạo nước ngoài trở lại.
(7) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.
(8) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).
(9) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.
(10) Nội dung quyết định: cho phép hoạt động liên kết đào tạo với tổ chức, cơ sở đào tạo nước ngoài trở lại.
(11) Quyền hạn, chức vụ của người ký.
(12) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
(13) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 5A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)., *ngày..... tháng..... năm 20..*

TỜ TRÌNH
V/v đề nghị cho phép thành lập Văn phòng đại diện...(2)...tại Việt Nam

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1. Tên của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài (ghi bằng chữ in hoa tiếng Việt, tiếng Anh và bằng tiếng nước sở tại):.....(3).....

2. Giấy chứng nhận hoặc quyết định thành lập số..... do..... cấp ngày.....

3. Địa chỉ trụ sở chính (ở nước ngoài nơi có tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài làm đơn xin phép):.....

Điện thoại:..... Fax..... E-mail.....

4. Lĩnh vực đang hoạt động hợp pháp của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài:

5. Tóm tắt quá trình phát triển của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài:

6. Nguồn và khả năng tài chính:

Đề nghị cho phép lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam với nội dung sau:

1- Tên Văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ dự kiến đặt Văn phòng đại diện:.....

- Điện thoại:..... Fax..... E-mail.....Website:.....

- Tôn chỉ, mục đích hoạt động của Văn phòng đại diện:.....

- Nội dung, phạm vi hoạt động của Văn phòng đại diện:.....

- Lý do thành lập Văn phòng đại điện ở Việt Nam:.....

2- Chức năng, nhiệm vụ chính của văn phòng đại diện tại Việt Nam

3- Số người dự kiến làm việc tại Văn phòng đại diện là... người

- Số người từ nước ngoài vào là..... người

- Số người tuyển dụng tại Việt Nam là..... người

4- Họ tên người đứng đầu Văn phòng đại diện:.....

- Ngày sinh...../...../..... Dân tộc..... Quốc tịch.....

- Hộ chiếu (Chứng minh nhân dân), số..... Ngày cấp..../.../..... Nơi cấp..... Thời hạn sử dụng:.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ở nước sở tại và địa chỉ nơi làm việc:.....

- Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam:.....

- Thẻ thường trú (thẻ tạm trú, chứng nhận tạm trú) do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp số: Ngày cấp..... Nơi cấp..... Thời hạn:.....

.....(4).....cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật. Chúng tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của nhà nước Việt Nam về các hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài, Văn phòng đại diện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước Việt Nam; không làm bất cứ việc gì dẫn đến vi phạm pháp luật và quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

Kèm theo:
-
-
-

.... ngày.... tháng.... năm.....
Đại diện theo pháp luật của tổ chức,
cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(1): Địa danh.
(2), (3), (4): Ghi cụ thể tên tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài.

Mẫu 5B

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...(1)..., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP
Thành lập Văn phòng đại diện.....(2).....tại Việt Nam
Số:.....

1. Cấp cho:..... (3) .....

Tên giao dịch quốc tế:.....

Thuộc: .....

Địa điểm trụ sở: .....

Điện thoại:....., Fax:....., E-mail: .....

Quyết định thành lập số: .....

Ngày, tháng, năm cấp: .....

Được phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam:

Địa điểm Văn phòng đại diện: .....

Điện thoại:....., Fax:....., E-mail:.....Website.....

2. Họ và tên người đứng đầu Văn phòng đại diện:.....

- Sinh ngày...../...../..... Dân tộc..... Quốc tịch .....

- Hộ chiếu (Chứng minh nhân dân), số.... Ngày cấp..../..../.... Nơi cấp..... Thời hạn sử dụng:.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ở nước sở tại và địa chỉ nơi làm việc:.....

- Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam:.....

- Thẻ thường trú (thẻ tạm trú, chứng nhận tạm trú) do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp số: Ngày cấp..... Nơi cấp..... Thời hạn:.....

3. Văn phòng đại diện.....(4)..... tại Việt Nam thuộc.....(5)..... chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chịu sự quản lý theo lãnh thổ

của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...(6).....; hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng và các quy định khác của pháp luật.

4. Văn phòng đại diện.....(7)..... hoạt động theo quy định của pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng; thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

5. Thời hạn hoạt động: 05 năm.

6. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký./.

.....(8).....
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

(1): Địa danh.
(2), (3), (4), (5), (7): Tên của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập văn phòng đại diện.
(6): Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở của Văn phòng.
(8): Quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu 5C

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...(1)..., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP
Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập
Văn phòng đại diện...(2)... tại Việt Nam
Số...(3).../GPVPĐD

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ .....(4).....;
Căn cứ .....(5).....;
Xét đề nghị của .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép ngày....tháng....năm... của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Văn phòng đại diện (6) tại Việt Nam, như sau:

..... (7) .....
.....

Điều... .....
...../.

Nơi nhận: - Như Điều...; -.....; - Lưu: VT,.... (9) A.xx (10)	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (8) *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

(1) Địa danh.
(2), (6) Tên tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài.
(3) Số văn bản.
(4) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).
(5) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.
(7) Nội dung quyết định: sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.
(8) Quyền hạn, chức vụ của người ký.
(9) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
(10) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu 6

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GCN-LĐTBXH	*.... (1)...., ngày..... tháng..... năm 20...*

GIẤY CHỨNG NHẬN

Tên tổ chức:.....(2).....

Trụ sở:.....

ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- .....;
- Lưu: VT,.... (4) A.xx (5)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (3)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

(1) Địa danh.
(2) Tên tổ chức, đơn vị đề nghị cấp giấy chứng nhận.
(3) Quyền hạn, chức vụ của người ký.
(4) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
(5) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).